

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 15-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Song Hoàn;
- Bà Ngô Thị Thúy Hào.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công Khi vụ án dân sự thụ lý số: 588/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST- HPT ngày 23-02-2024, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

Địa chỉ trụ sở: đường N, quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T D, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng Trung H, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh B kiểm Trưởng phòng giao dịch R Ngân hàng TMCP Sài Gòn T chi nhánh B phòng giao dịch R (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Phương Th – chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro-Ngân hàng TMCP Sài Gòn T chi nhánh B phòng giao dịch R (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường 30/4, phường R, thành phố V, tỉnh B

Bị đơn: Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 13, Phước An, phường M, thành phố V, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T bà Lê Thị Phương Th trình bày:

Ngày 10-10-2022, ông Trần Văn Kh và Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân

hàng gọi chung là hợp đồng) loại thẻ Visa Classic, số thẻ VS-pay wave Creclassic, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2.76%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Kh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.699.100 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Kh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 1.100.000 đồng. Số tiền này, ông Kh thanh toán theo thứ tự như sau: các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Sau khi trừ hết các số tiền trên thì số tiền gốc ông Kh chưa thanh toán là 24.287.029 đồng.

Qua nhiều lần ngân hàng ra thông báo nhắc nợ nhưng ông Kh không thực hiện thanh toán cho ngân hàng. Vì vậy, từ ngày 10-4-2023, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), áp dụng lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 15-3-2024, ông Kh còn nợ ngân hàng 35.707.289 đồng trong đó nợ gốc là 24.287.029 đồng, lãi quá hạn là 11.420.260 đồng

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu ông Trần Văn Kh thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 15-3-2024 tổng số tiền là 35.707.289 đồng trong đó nợ gốc là 24.287.029 đồng, lãi quá hạn là 11.420.260 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nêu trên kể từ ngày 16-3-2024 cho đến khi ông Kh thanh toán hết số tiền nợ.

Nguyên đơn xác nhận đây là khoản nợ của cá nhân ông Kh, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông Kh có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Trần Văn Kh vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì vậy, tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Kh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Kh trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn Kh có địa chỉ thường trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa

Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn bà Lê Thị Phương Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Thúy.

Bị đơn ông Trần Văn Kh vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền gốc: Lời Khi của đại diện nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng ông Kh là 20.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng) và các tài liệu, chứng cứ khác nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận việc nguyên đơn có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ cho bị đơn với hạn mức 20.000.000 đồng là hoàn toàn có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Kh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.699.100 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Kh đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 1.100.000 đồng. Số tiền này được áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng theo thứ tự thanh toán: các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Sau khi trừ hết số tiền trên thì số tiền gốc ông Kh chưa thanh toán là 24.287.029 đồng.

Tính đến ngày 15-3-2024, ông Kh còn nợ ngân hàng 35.707.289 đồng trong đó nợ gốc là 24.287.029 đồng, lãi quá hạn là 11.420.260 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu ông Kh trả số tiền nợ gốc 24.287.029 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với số tiền lãi: Ông Kh đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi suất, tính đến ngày 15-3-2024 số tiền lãi quá hạn là 11.420.260 đồng nên buộc ông Kh trả số tiền lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký, từ ngày 16-3-2024 cho đến khi trả hết nợ.

Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn Kh phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 35.707.289 đồng trong đó nợ gốc là 24.287.029 đồng, lãi quá hạn là 11.420.260 đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký, từ ngày 16-3-2024 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Văn Kh.

[1]. Buộc ông Trần Văn Kh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-3-2024) với tổng số tiền là 35.707.289 đồng trong đó nợ gốc là 24.287.029 đồng, lãi quá hạn là 11.420.260 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-3-2024) cho đến khi trả hết nợ, ông Kh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10-10-2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng được ký giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và ông Trần Văn Kh.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn Kh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.785.364 đồng (một triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi tư đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 600.000đ đồng (sáu trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001362 ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công Khi để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. V;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngát

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Chương

Nguyễn Văn Hải

Bùi Thị Ngát

